HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **PHƯỜNG PHƯỜNG ĐỨC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**
Số: 08/NQ - HĐND	*Phường Đức, ngày 28 tháng 12 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT
Về dự toán Ngân sách năm 2024

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG PHƯỜNG ĐỨC
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 7

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 74/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2023 của HĐND Thành phố Huế về dự toán Ngân sách Nhà nước năm 2024;

Sau khi xem xét báo cáo của UBND Phường về tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội; ý kiến thảo luận của các Đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành và thông qua dự toán thu, chi Ngân sách năm 2024 với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

1. Thu ngân sách địa phương: **6.816 triệu đồng**

Trong đó:

a.Các khoản thu 100%: 250 triệu đồng

b.Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %: 3.295 triệu đồng

c.Thu bổ sung Ngân sách cấp trên: 3.271 triệu đồng

2. Chi ngân sách địa phương: **6.816 triệu đồng**

Trong đó:

a.Chi đầu tư phát triển: 1.175 triệu đồng

b.Chi thường xuyên: 5.477 triệu đồng.

+ Kinh phí giao tự chủ: 4.096 triệu đồng

+ Kinh phí giao không tự chủ: 1.381 triệu đồng

c. Dự phòng phí: 164 triệu đồng

Điều 2. Phân bổ ngân sách địa phương năm 2024 cho từng ngành, đơn vị thuộc UBND phường, mức bổ sung từ ngân sách phường (kèm theo bảng dự toán thu – chi ngân sách phường năm 2024).

Được quét bằng CamScanner

Điều 3. UBND phường giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho từng ngành; nhiệm vụ thu, chi và mức bổ sung cân đối. UBND phường Phường Đúc báo cáo Phòng Tài chính – kế hoạch Thành phố, Kho bạc nhà nước Thừa Thiên Huế về kết quả phân bổ dự toán ngân sách phường; phân bổ dự toán năm 2024 ngày 28/12/2023 và công khai dự toán ngân sách theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước.

Trong quá trình điều hành ngân sách nếu có những vấn đề lớn phát sinh. UBND phường cùng Thường trực HĐND xem xét quyết định và báo cáo HĐND phường tại kỳ họp gần nhất.

Điều 4. Giao trách nhiệm cho thường trực HĐND, các ban, các Đại biểu HĐND phường tăng cường giám sát thực hiện Nghị quyết về dự toán ngân sách năm 2024 theo lĩnh vực và phạm vi trách nhiệm đã được pháp luật quy định.

Nghị quyết này đã được HĐND phường khóa IX, kỳ họp thứ 7 thông qua ./.

Nơi nhận:
- TT HĐND, UBND TP. Huế;(để b/c)
- Phòng TC-KH TP.Huế;
- KBNN Thừa Thiên Huế;
- TV Đảng ủy, UBND, UBMTTQVN phường;
- Các đại biểu HĐND phường;
- Lưu VP, KT.

CHỦ TỊCH

Dương Văn Quang

Được quét bằng CamScanner

DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG PHƯỜNG ĐÚC NĂM 2024

Đơn vị tính: 1.000đồng

STT	NỘI DUNG	Số tiền		Ghi chú
		Tổng thu NSNN trên địa bàn	Trong đó: Số thu phường hưởng theo tỷ lệ	
	TỔNG THU (A+B+C)	**10.200.000**	**6.816.000**	
A	**Thu Ngân sách Phường hưởng**	**10.200.000**	**6.816.000**	
I	**Các khoản thu tại đơn vị (100%)**	**250.000**	**250.000**	
-	Phí, lệ phí	100.000	100.000	
-	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp(bao gồm thu lô chợ, thu khác tại chợ, thu khác)	130.000	130.000	
-	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	20.000	20.000	
II	**Cục thuế thu Phường hưởng theo tỷ lệ %**	**27.000**	**27.000**	
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	27.000	27.000	
III	**Chi cục thuế thu Phường hưởng theo tỷ lệ %**	**9.923.000**	**3.268.000**	
-	Thuế ngoài quốc doanh (Thuế GTGT,TTĐB,MB,TNDN)	1.040.000	1.040.000	
-	Thuế Thu nhập cá nhân	524.000	524.000	
-	Thuế sử dụng đất phi Nông nghiệp	460.000	460.000	
	Thu tiền sử dụng đất	7.830.000	1.175.000	
-	Lệ phí môn bài thu từ cá nhận, hộ KD	69.000	69.000	
IV	**Thu bổ sung từ Ngân sách cấp trên**	-	**3.271.000**	
-	Thu bổ sung cân đối Ngân sách		3.271.000	
-	Thu bổ sung có mục tiêu		-	
	TỔNG CHI (A+B+C)		**6.816.000**	
A	**Chi cân đối ngân sách (I-II)**		**6.816.000**	
I	**Chi đầu tư phát triển**		**1.175.000**	
1	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất		1.175.000	
2	Chi đầu tư xây dựng từ nguồn cân đối thu chi		-	
	Trong đó: Chi từ nguồn tăng thu			
II	**Chi thường xuyên**		**5.477.000**	
	Kinh phí giao tự chủ		**4.096.000**	
-	Lương và các khoản theo lương cán bộ công chức		2.287.000	
-	Phụ cấp cán bộ KCT cấp phường		230.000	
-	Phụ cấp cán bộ KCT cấp tổ		642.000	
-	Phụ cấp Đảng ủy viên		97.200	
-	Nguồn kinh phí của biên chế được giao nhưng chưa tuyển dụng + nâng bậc lương + nghỉ hưu		34.000	
-	Khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội phường		54.000	
-	Khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở tổ dân phố		64.800	
-	Hỗ trợ bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc ở tổ dân phố		81.000	
-	Chi quản lý hành chính của cán bộ theo định mức (CT 12trđ/năm,; KCT 2,5 trđ/năm) và bổ sung thêm các hoạt động		432.000	

Được quét bằng CamScanner

-	Chi khác		174.000	
	Kinh phí giao không tự chủ		**1.381.000**	
	Chi sự nghiệp môi trường			
1	**Chi SN kinh tế (NLTL, Giao thông, KTTC, Môi trường, PCCC rừng...)** **Trong đó:**		**52.000**	
-	khoán định mức SN kinh tế		32.000	
-	Chi thu phạt, tịch thu khác theo quy định		20.000	
2	**Sự nghiệp văn xã**		**209.400**	
-	Sự nghiệp giáo dục		32.000	
-	Sự nghiệp đào tạo		30.000	
-	Sự nghiệp y tế		15.000	
-	Sự nghiệp văn hóa thông tin		20.000	
-	Sự nghiệp truyền thanh, truyền hình		27.000	
-	Sự nghiệp thể dục thể thao		10.400	
-	KP vận động toàn dân ĐK XD đời sống VH		45.000	
-	Chính sách xã hội		30.000	
3	**Chế độ thù lao đối với người nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo các Hội đặc thù**		**65.000**	
-	**Sinh hoạt phí HĐND, KP cho HĐND theo QĐ 28/2017 (Đã có kinh phí tiếp xúc cử tri Thành phố).** **Trong đó:**		**216.000**	
	Sinh hoạt phí HĐND, VPP và các khoản khác HĐND		166.000	
	Kinh phí hoạt động HĐND		50.000	
4	**Trợ cấp hưu cán bộ nghỉ việc theo chế độ**		**33.804**	
5	**Nhân viên thú y**		**18.000**	
6	**Kinh phí ban thanh tra nhân dân**		**2.500**	
-	**Chi bảo vệ cơ quan và tạp vụ**		**36.000**	
7	**Chi công tác Quốc phòng - An ninh**		**685.900**	
-	Chi cho LL DQTV theo NĐ 72		132.000	
-	Tổ trưởng, tổ phó dân phòng		157.000	
-	Ban bảo vệ dân phố		296.000	
-	Định mức chi AN - QP		100.900	
8	**Chi khác**		**62.396**	
-	Chi TTHTCĐ, tiếp công dân, phụ cấp bộ phận 01 cửa, kiểm soát thủ tục hành chính		62.396	
B	**Dự phòng phí**		**164.000**	
C	**Chi từ nguồn thu huy động đóng góp và viện trợ**			

Được quét bằng CamScanner